



CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH ĐẠI HỌC – DẠY NGHỀ
Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	3
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 và đăng ký điều chỉnh lần 2 ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/12/2007.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 21,73% vốn điều lệ.

Vốn góp thực tế đến 30/06/2012: 10.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 25 Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84) 04.38256547 – 39717189
- Fax: (84) 04.39717189

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 28 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập các Báo cáo này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Trần Nhật Tân | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010 |
| • Bà Ngô Thị Thanh Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010 |
| • Ông Lê Quang Dũng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010 |
| • Ông Trần Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010 |
| • Ông Nguyễn Hải Châu | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 04/05/2010 |

Ban Kiểm soát

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

• Bà Đỗ Thị Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010
• Ông Nguyễn Hồng Ánh	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010
• Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 04/05/2010

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Bà Ngô Thị Thanh Bình	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/05/2010
• Ông Trần Văn Thắng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010
• Ông Lê Quang Dũng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2012



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 997/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 08 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012, được lập ngày 19/07/2012 của Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 4 đến trang 23. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.

Lê Khắc Minh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số Đ.0103/KTV

Trần Thị Nở
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 1135/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.456.420.545	20.778.194.749
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.150.700.912	2.841.398.570
1. Tiền	111	5	650.700.912	841.398.570
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	500.000.000	2.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.700.000.000	4.700.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	4.700.000.000	4.700.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.275.815.377	3.857.160.800
1. Phải thu khách hàng	131		6.605.582.420	4.630.071.144
2. Trả trước cho người bán	132		47.244.500	47.264.000
3. Các khoản phải thu khác	135	8	3.513.889	20.533.540
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(380.525.432)	(840.707.884)
IV. Hàng tồn kho	140	10	10.329.904.256	9.379.635.379
1. Hàng tồn kho	141		11.040.825.746	10.223.305.794
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(710.921.490)	(843.670.415)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		336.647.819	270.397.388
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	12.613.135
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	-	12.613.135
- Nguyên giá	222		1.268.519.997	1.268.519.997
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.268.519.997)	(1.255.906.862)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	330.600.000	247.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		634.000.000	634.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(303.400.000)	(387.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.047.819	10.784.253
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	6.047.819	10.784.253
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		22.793.068.364	21.048.592.137

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.582.103.255	5.896.734.825
I. Nợ ngắn hạn	310		7.527.103.255	5.841.734.825
1. Phải trả người bán	312		2.729.564.053	1.310.375.562
2. Người mua trả tiền trước	313		570.700	570.700
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	1.605.447.367	1.474.479.410
4. Phải trả người lao động	315		1.252.119.342	1.678.058.533
5. Chi phí phải trả	316	15	1.483.752.375	554.321.750
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	292.422.159	345.831.611
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		163.227.259	478.097.259
II. Nợ dài hạn	330		55.000.000	55.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	333	17	55.000.000	55.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.210.965.109	15.151.857.312
I. Vốn chủ sở hữu	410		15.210.965.109	15.151.857.312
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	1.890.000.000	1.890.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	18	600.414.374	600.414.374
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	18	609.344.310	609.344.310
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	2.111.206.425	2.052.098.628
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		22.793.068.364	21.048.592.137

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
1. Nợ khó đòi đã xử lý	565.679.294	-
2. Ngoại tệ các loại	-	-

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Ngô Thị Thanh Bình

Lê Quang Dũng

Hoàng Quốc Khánh

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	19	10.207.409.040	10.772.515.669
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	19	10.207.409.040	10.772.515.669
4. Giá vốn hàng bán	11	20	6.708.737.189	7.308.472.126
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		3.498.671.851	3.464.043.543
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	521.223.927	498.444.379
7. Chi phí tài chính	22	22	(83.600.000)	125.400.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		401.940.230	277.724.553
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.445.732.460	2.169.613.606
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.255.823.088	1.389.749.763
11. Thu nhập khác	31	23	26.812.500	-
12. Chi phí khác	32	24	10.414.859	321.167
13. Lợi nhuận khác	40		16.397.641	(321.167)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	25	1.272.220.729	1.389.428.596
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	313.112.932	355.115.524
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	25	959.107.797	1.034.313.072
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	959	1.034

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Ngô Thị Thanh Bình

Lê Quang Dũng

Hoàng Quốc Khánh

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	8.297.828.747	9.736.258.284
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(7.054.230.183)	(9.045.075.517)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.980.915.700)	(2.482.827.000)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(350.000.000)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.950.167	964.412.977
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(594.707.394)	(650.026.902)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.320.074.363)	(1.827.258.158)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	1.000.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	529.376.705	498.444.379
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	529.376.705	1.498.444.379
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(900.000.000)	(1.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(900.000.000)	(1.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.690.697.658)	(1.328.813.779)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.841.398.570	2.047.965.452
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.150.700.912	719.151.673

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Ngô Thị Thanh Bình

Lê Quang Dũng

Hoàng Quốc Khánh

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 và đăng ký điều chỉnh lần 2 ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và đánh giá lại số dư cuối kỳ của khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện tăng được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với toàn bộ tài sản cố định.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hoá và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hoá đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.10. Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13. Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà công ty đang áp dụng

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Thuế Giá trị gia tăng: Các loại sách cho Đại học và Dạy nghề là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế. Đối với từ điển các loại áp dụng mức thuế suất 5%. Đối với các loại sổ sách chuyên môn áp dụng mức thuế suất 10%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.14. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15. Các bên liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	35.588.379	52.217.154
Tiền gửi ngân hàng	615.112.533	789.181.416
Cộng	650.700.912	841.398.570

6. Các khoản tương đương tiền

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	500.000.000	2.000.000.000
Cộng	500.000.000	2.000.000.000

7. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam vay	4.700.000.000	4.700.000.000
Cộng	4.700.000.000	4.700.000.000

Cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo hợp đồng số 20/HĐVV ngày 16/02/2009 và Phụ lục của hợp đồng số 04/2012/PL-HĐVV ký ngày 1/6/2012. Thời hạn hợp đồng từ ngày ký lại phụ lục hợp đồng đến hết ngày 31/12/2012, lãi suất 13%/năm.

8. Các khoản phải thu khác

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Lãi dự thu	3.513.889	11.666.667
Phải thu khác	-	8.866.873
Cộng	3.513.889	20.533.540

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	205.549.014	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	78.091.253	47.284.825
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 1 năm		790.795.059
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	96.885.165	2.628.000
Cộng	380.525.432	840.707.884

10. Hàng tồn kho

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.686.627	16.505.115
Chi phí SX, KD dở dang	24.048.000	13.188.000
Thành phẩm	10.934.320.780	10.094.372.769
Hàng hóa	77.770.339	99.239.910
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(710.921.490)	(843.670.415)
Cộng	10.329.904.256	9.379.635.379

11. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	1.009.219.000	259.300.997	1.268.519.997
Mua sắm trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	1.009.219.000	259.300.997	1.268.519.997
Khấu hao			
Số đầu kỳ	1.009.219.000	246.687.862	1.255.906.862
Khấu hao trong kỳ	-	12.613.135	12.613.135
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	1.009.219.000	259.300.997	1.268.519.997
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	-	12.613.135	12.613.135
Số cuối kỳ	-	-	-

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2012 là 1.268.519.997 đồng.

Không có tài sản cố định nào đang cầm cố, thế chấp tại 30/06/2012.

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2012		31/12/2011	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác	38.000	634.000.000	38.000	634.000.000
Cổ phiếu STC	38.000	634.000.000	38.000	634.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (STC)		(303.400.000)		(387.000.000)
Cộng		330.600.000		247.000.000

13. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí sửa chữa sách chờ phân bổ	6.047.819	10.784.253
Cộng	6.047.819	10.784.253

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	32.772.429	3.738.212
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.549.152.438	1.236.039.506
Thuế thu nhập cá nhân	23.522.500	234.701.692
Cộng	1.605.447.367	1.474.479.410

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí đầu thầu bản thảo	71.291.000	55.450.750
Tiền nhuận bút phải trả	1.054.427.375	498.871.000
Chi phí biên tập Sách giáo khoa	96.592.000	-
Phí quản lý xuất bản	261.442.000	-
Cộng	1.483.752.375	554.321.750

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Kinh phí công đoàn	61.048.959	99.612.661
Các khoản phải trả, phải nộp khác	231.373.200	246.218.950
Cộng	292.422.159	345.831.611

17. Phải trả dài hạn khác

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	55.000.000	55.000.000
Cộng	55.000.000	55.000.000

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2011	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	609.344.310	2.524.338.684
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.313.437.147
Giảm trong năm	-	-	-	-	2.785.677.203
Số dư tại 31/12/2011	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	609.344.310	2.052.098.628
Số dư tại 01/01/2012	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	609.344.310	2.052.098.628
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	959.107.797
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	900.000.000
Số dư tại 30/06/2012	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	609.344.310	2.111.206.425

b. Cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2012 Cổ phiếu	31/12/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	2.052.098.628	2.524.338.684
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	959.107.797	2.313.437.147
Phân phối lợi nhuận	900.000.000	2.785.677.203
Phân phối lợi nhuận năm trước (i)	900.000.000	1.372.240.056
- Chia cổ tức	900.000.000	1.000.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	174.280.056
- Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	197.960.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	1.413.437.147
- Trả cổ tức	-	900.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	513.437.147
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.111.206.425	2.052.098.628

(i) Phân phối lợi nhuận năm trước theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 ngày 14/04/2012.

19. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Tổng doanh thu	10.207.409.040	10.772.515.669
+ Sách Đại học - Dạy nghề	9.671.683.581	9.512.028.426
+ Sách liên kết phát hành trọn gói	339.500.000	-
+ Sách tham khảo mua ngoài	94.451.792	597.715.672
+ Sổ sách chuyên môn có thuế	11.533.667	-
+ Bán giấy và dịch vụ biên tập	90.240.000	662.771.571
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
+ Giảm giá hàng bán	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.207.409.040	10.772.515.669

20. Giá vốn hàng bán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Giá vốn Sách Đại học - Dạy nghề	6.421.672.637	6.670.360.305
Giá vốn Sách liên kết phát hành trọn gói	255.505.408	-
Giá vốn Sách tham khảo mua ngoài	85.010.750	547.188.738
Giá vốn Sổ sách chuyên môn có thuế	7.105.319	-
Giá vốn Giấy và dịch vụ biên tập	72.192.000	616.641.300
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(132.748.925)	(525.718.217)
Cộng	6.708.737.189	7.308.472.126

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	471.823.927	449.044.379
Cổ tức, lợi nhuận được chia	49.400.000	49.400.000
Cộng	521.223.927	498.444.379

22. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	125.400.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(83.600.000)	-
Cộng	(83.600.000)	125.400.000

23. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Phí quản lý xuất bản được giảm	26.812.500	-
Cộng	26.812.500	-

24. Chi phí khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Tiền nhuận bút năm 2011 (năm trước chi sót)	10.200.000	-
Chi phí khác	214.859	321.167
Cộng	10.414.859	321.167

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.272.220.729	1.389.428.596
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(19.769.000)	31.033.500
Điều chỉnh tăng	29.631.000	80.517.500
- Chi phí không hợp lệ, hợp lệ	6.591.000	80.517.500
- Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia quản lý, điều hành	23.040.000	-
- Phạt thuế, phạt chậm nộp tờ khai	-	-
Điều chỉnh giảm (Lợi nhuận được chia)	49.400.000	49.484.000
Tổng thu nhập chịu thuế	1.252.451.729	1.420.462.096
Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	313.112.932	355.115.524
Lợi nhuận sau thuế TNDN	959.107.797	1.034.313.072

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	959.107.797	1.034.313.072
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	959.107.797	1.034.313.072
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	959	1.034

27. Cổ tức

Theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2011 ngày 14/04/2012, cổ tức của năm 2011 là 18%/vốn điều lệ. Theo đó, trừ cổ tức đã được chi trả trong năm 2011 với tỷ lệ 9%/vốn điều lệ (tương ứng 900.000.000 đồng), Công ty tiếp tục chi trả hết số cổ tức còn lại tỷ lệ 9%/vốn điều lệ (tương ứng 900.000.000 đồng) trong 6 tháng đầu năm 2012.

28. Công cụ tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả trong từng thời kỳ nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá. Do không có ngoại tệ và các khoản vay nên Công ty không có rủi ro về tỷ giá, lãi suất.

Rủi ro về giá

Chi phí in ấn chiếm phần lớn trong giá vốn hàng hóa nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm khách hàng cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau hơn nữa khách hàng của Công ty toàn là Công ty Sách lớn hoặc Bộ Giáo dục, các Trường Đại học.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.729.564.053	-	2.729.564.053
Chi phí phải trả	1.483.752.375	-	1.483.752.375
Phải trả khác	231.373.200	55.000.000	286.373.200
Cộng	4.444.689.628	55.000.000	4.499.689.628

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.310.375.562	-	1.310.375.562
Chi phí phải trả	554.321.750	-	554.321.750
Phải trả khác	246.218.950	55.000.000	301.218.950
Cộng	<u>2.110.916.262</u>	<u>55.000.000</u>	<u>2.165.916.262</u>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.150.700.912	-	1.150.700.912
Phải thu khách hàng	6.225.056.988	-	6.225.056.988
Phải thu khác	3.513.889	-	3.513.889
Cho vay	4.700.000.000		4.700.000.000
Đầu tư tài chính		330.600.000	330.600.000
Cộng	<u>12.079.271.789</u>	<u>330.600.000</u>	<u>12.409.871.789</u>

31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.841.398.570	-	2.841.398.570
Phải thu khách hàng	3.789.363.260	-	3.789.363.260
Phải thu khác	20.533.540	-	20.533.540
Cho vay	4.700.000.000		4.700.000.000
Đầu tư tài chính		247.000.000	247.000.000
Cộng	<u>11.351.295.370</u>	<u>247.000.000</u>	<u>11.598.295.370</u>

29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là biên tập, phát hành sách và một bộ phận địa lý chính là lãnh thổ Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	2.406.854.891	2.567.876.688
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.613.135	208.741.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.718.641.692	6.573.435.464
Chi phí khác bằng tiền	418.300.161	405.757.117
Cộng	9.556.409.879	9.755.810.285

31. Các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách TB TH TP Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP DVXB Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In Diên Hồng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Chung Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2012
		VND
Bán hàng		
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Cung ứng sách ĐH-DN	265.651.060
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Cung ứng sách ĐH-DN	785.918.480
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Cung ứng SGK	1.150.039.218
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Cung ứng SGK	612.150.670
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Cung ứng SGK	1.515.913.036
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Cung ứng sách ĐH-DN	644.915.080
Mua hàng		
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam	Mua tem chống giả	14.256.000
	Tiền điện, thuê nhà	183.718.411
Công ty CP In Diên Hồng	Tiền in sách ĐH-DN	111.917.918
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Tiền in sách ĐH-DN	258.556.913
Công ty CP DVXB Giáo dục tại Hà Nội	Chi phí đầu thầu	99.264.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà nội	Phí quản lý xuất bản	395.325.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam	Thu nhập từ lãi cho vay	383.643.435

c. Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan tại ngày 30/06/2012

Công ty liên quan	Nội dung	Nợ phải thu VND	Nợ phải trả VND
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam	Cho vay	4.700.000.000	
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Phải thu khách hàng	298.575.510	
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Phải thu khách hàng		
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	566.923.098	
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Phải thu khách hàng	890.411.143	
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Phải thu khách hàng	362.150.670	
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Phải thu khách hàng	1.515.913.036	
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Phải thu khách hàng	612.448.840	
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán		143.507.000
Công ty CP DVXB Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán		91.443.750
Công ty CP In Diên Hồng	Phải trả người bán		101.917.918
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Phải trả người bán		200.265.991
Cộng		8.946.422.297	537.134.659

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

33. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính của kỳ kế toán tài chính 6 tháng đầu năm 2011. Các báo cáo này đã được kiểm toán vào soát xét bởi AAC.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Ngô Thị Thanh Bình

Lê Quang Dũng

Hoàng Quốc Khánh

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2012